

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-PT
Ngày 06 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Nguyễn Đức Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 tại huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Ánh và bà Trần Thị Mùi; có vợ Nguyễn Thị Thanh Ngân (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 26/4/2020 chuyển tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu: Ông Lê Văn T - Luật sư hăng luật Hưng Đạo thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Căn hộ 12... Block A1, Chung cư H, phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 01 bị cáo; 01 bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ làm ăn từ trước với Nguyễn Văn C làm nghề kinh doanh vận tải. Khoảng đầu tháng 6 năm 2016, Trịnh Đình T1 gọi điện cho C nhờ tìm giúp việc làm. C cùng với Vũ Thái H1 là anh em đồng hao đã bàn bạc rủ T1 đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách T1 liên hệ với các chủ hàng để xin chở hàng thuê sau đó dùng xe ô tô lắp biển số giả để chiếm đoạt hàng hóa, T1 đồng ý. T1 có nhiệm vụ xin chở hàng còn việc bán hàng do C và H1. C hứa trả công cho T1 khi xong việc là 30.000.000 đồng. C cho T1 số điện thoại của anh Trần Văn P, sinh năm 1980, trú tại tổ .., phường L thành phố C, tỉnh Lào Cai để liên hệ xin hàng. Sáng ngày 28/11/2016, T1 nhận chở gạo từ huyện K, tỉnh Ninh Bình lên thành phố C, tỉnh Lào Cai theo hợp đồng mua bán gạo nếp “Hà Nội” giữa bà Ngô Thị H2, sinh năm 1972, trú tại xóm .., xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình với Công ty TNHH T, địa chỉ tại Lô F4, KCN Đ, thành phố C, tỉnh Lào Cai do bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1965 trú tại phường Phố M, thành phố C, tỉnh Lào Cai làm Giám đốc. Bà H2 có trách nhiệm giao gạo cho bà V tại thành phố C, sau khi nhận đủ số hàng bà V thanh toán tiền cho bà H2. Sau khi xin được chở hàng T1 dùng số điện thoại 016964252.. nhắn tin biển số xe ô tô biển kiểm soát 88C-059... mà T1 nói là xe của mình cho anh P. Anh P cũng đã báo biển xe ô tô và số điện thoại của T1 cho bà H2 biết để phục vụ cho việc bốc và vận chuyển hàng. Sau khi thỏa thuận xong việc vận chuyển gạo cho bà H2, T1 báo lại cho C để C chuẩn bị xe ô tô đi vận chuyển hàng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, Hoàng Văn S1, sinh năm 1985 trú tại thôn H, xã B, huyện Q, tỉnh Cao Bằng là lái xe thuê của Vũ Thái H1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu CHNT, loại đầu kéo có đăng ký biển kiểm soát 20C-071... và rơ moóc có biển kiểm soát 20R-002... là xe của H1.

Trước khi đi bốc hàng xe ô tô trên đã được H1 chỉ đạo thay biển kiểm soát giả là 88C-059... vào đầu kéo và biển kiểm soát 88R-002... vào rơmoóc cho phù hợp với biển kiểm soát mà T1 đã gửi cho anh P. Đi bốc gạo cùng có: Trịnh Đình T1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S2, sinh năm 1996, trú tại xóm ..., xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là người làm thuê cho C và Nguyễn Văn S1 là người lái xe thuê cho H1. Khi đi đến kho gạo của bà H2 gửi tại nhà bà Vũ Thị T2 ở xóm ..., xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình giữa bà T2 và bà H2 có hợp đồng làm kho bán gạo để bốc 38 tấn gạo nếp “Hà Nội” lên xe. Trước đó bà H2 đã báo trước về thời gian, biển

kiểm soát xe và số điện thoại của Trịnh Đình T1 cho bà T2 biết. Khi thấy xe ô tô có biển kiểm soát như trên đến, bà T2 đã đồng ý cho họ bốc gạo lên xe. Tại kho gạo của bà T2, S1 là người đứng kiểm hàng bốc lên xe, S2 nằm ngủ trên cabin, T1 và C đi ra quán uống nước. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì bốc xong số gạo lên xe, T1 quay về và đưa chứng minh thư nhân dân của mình để ký hợp đồng vận chuyển với bà H2. Trong hợp đồng vận chuyển có ghi rõ địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân và số điện thoại của Thuyết, nơi chuyển hàng đến là thành phố C, tỉnh Lào Cai thời gian giao hàng trước ngày 03/12/2016. Sau đó S1 điều khiển xe ô tô chở 38 tấn gạo rời khỏi kho gạo của bà T2. Trên đường đi C đón và lên xe đi cùng, khi xe đi đến đầu đường cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ thì mọi người xuống xe ăn cơm. Lúc này Vũ Thái H1 từ thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xuống đến nơi và đợi sẵn ở đó. Sau khi ăn cơm xong C, T1, S2 đi về Thái Nguyên bằng xe ô tô tải do H1 đi xuống. Xe ô tô chở 38 tấn gạo vừa bốc ở kho do Vũ Thái H1 điều khiển đi lên tỉnh Cao Bằng để bán mà không đi thành phố C, tỉnh Lào Cai giao hàng theo thỏa thuận hợp đồng. Do chưa tìm được người bán nên Hưng đã gửi 38 tấn gạo vào kho hàng ở tổ ..., phường Sông H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng và đi về nhà ở Thái Nguyên.

Đối với C, T1, S1 về thành phố T, tỉnh Thái Nguyên sáng ngày 29/11/2016, C gặp T1 tại quán cà phê ở thành phố T. Tại đây C đưa cho T1 số tiền 20.000.000 đồng tiền công cho T1, số tiền còn lại khi nào bán được gạo C sẽ đưa. T1 cầm tiền C đưa sau đó đón xe ô tô đi vào miền Nam.

Ngày 04/12/2016, bà Ngô Thị H2 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình trình báo nội dung như trên. Quá trình điều tra xác minh, ngày 06/12/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã phát hiện và thu giữ được vật chứng 37.650 kg gạo nếp tại kho chứa hàng ở phường Sông H, thành phố B, tỉnh Cao Bằng. Thu giữ 01 xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 20C-071... và rơ moóc biển kiểm soát 20R-002...; 02 biển số tự chế làm bằng tấm kim loại kích thước (20x8) cm, mỗi tấm kim loại được dán chữ và số lên hai mặt, một mặt 20R-002..., một mặt là 88R-002.....

Tại bản kết luận số 36 ngày 13/12/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “38 tấn gạo nếp có trị giá 418.000.000 đồng”.

Tại bản kết luận số 32 ngày 27/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “Xe ô tô biển kiểm soát 20C- 071.... có

giá trị còn lại là 752.000.000 đồng và sơ mi rơ moóc có biển kiểm soát 20R-002... có giá trị còn lại là 256.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra ban đầu không triệu tập được Nguyễn Văn C đến làm việc và bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 05/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn C. Ngày 26/4/2020, Nguyễn Văn C bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên bắt truy nã sau đó bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình. Thu giữ của C 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn C.

Đối với hành vi phạm tội của Trịnh Đình T1 tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và xử phạt Trịnh Đình Thuyết 08 năm 06 tháng tù. Sau khi xét xử sơ thẩm Trịnh Đình T1 kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 08/2019/HS-PT ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt Trịnh Đình T1 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/4/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên về tội danh và mức hình phạt 08 năm 09 tháng tù đối với bị cáo Vũ Thái H1; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, bản thân cũng đã tham gia nghĩa vụ quân sự.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo án 07 năm tù do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại

cho bị hại; Luật sư đã đưa ra nhiều tài liệu giấy tờ xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, gia đình có nhiều người làm cán bộ công chức, ông nội là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo đã từng tham gia quân ngũ, con còn nhỏ, vợ đã ly hôn; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét vai trò của bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/4/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 10/12/2020 bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; lời khai của bị hại, người làm chứng; vật chứng thu giữ; phù hợp với Bản kết luận số 36 ngày 13/12/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “38 tấn gạo nếp có trị giá 418.000.000 đồng” và bản kết luận số 32 ngày

27/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mối quan hệ anh em Nguyễn Văn C và Vũ Thái H1 đã bàn bạc cùng nhau đi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. C và H1 đã rủ Trịnh Đình T1 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thống nhất thì phân công T1 chủ động liên hệ với chủ hàng để xin chở hàng thuê hàng hóa, sau đó dùng xe ô tô lắp biển số giả để chở hàng. T1 có nhiệm vụ xin chở hàng còn việc bán hàng do C và H1. C hứa sẽ trả công cho T1 khi xong việc là 30.000.000 đồng. Sáng ngày 28/11/2016 thông qua anh Trần Văn P, T1 liên hệ xin được chở hàng gạo cho bà H2 từ huyện K, tỉnh Ninh Bình lên thành phố C, tỉnh Lào Cai cho bà Nguyễn Thị Bích V tại thành phố C, tỉnh Lào Cai. Sau khi xin được chở hàng, T1 dùng số điện thoại 016964252... nhắn tin biển số xe ô tô 88C-059... và thỏa thuận về việc vận chuyển gạo thuê cho bà H2 đồng thời T1 báo lại cho C để C chuẩn bị xe ô tô đi vận chuyển hàng. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, Hoàng Văn S1 là lái xe thuê cho Vũ Thái H1 điều khiển xe ô tô loại CHNT, loại xe đầu kéo có đăng ký biển kiểm soát 20C-071... và rơ moóc biển kiểm soát 20R-002... là xe của H1. Quá trình di chuyển đã được H1 thay biển kiểm soát giả là 88C-059.... vào đầu kéo, biển kiểm soát 88R-002... vào rơ moóc cho phù hợp với biển kiểm soát mà T1 đã gửi cho bà H2. Đi bốc gạo cùng có Trịnh Đình T1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S2 đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì bốc xong số gạo lên xe, T1 dùng số điện thoại, chứng minh thư nhân dân của mình để ký hợp đồng vận chuyển với bà H2. Sau đó S1 điều khiển xe ô tô chở 38 tấn gạo rời khỏi kho gạo, khi xe đi đến đầu đường cao tốc Ninh Bình- Cầu Giẽ thì mọi người xuống xe vào ăn cơm. Vũ Thái H1 cũng từ thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xuống đến nơi để đổi lái. C, T1, S1 đi về thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bằng xe ô tô tải do H1 đi xuống. Còn H1 chở 38 tấn gạo vừa bốc ở kho đi lên tỉnh Cao Bằng để bán nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện và thu hồi. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn C đã bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Để có tiền các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất để Trịnh Đình T1 là người đứng ra ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với bà H2, bà H2 tin tưởng là thật nên đã giao tài sản cho các bị cáo là 38 tấn gạo nếp có tổng trị giá 418.000.000 đồng. Bị cáo và bị cáo H1 là người chủ động liên hệ rủ rê Trịnh Đình T1 tham gia tội phạm, trực tiếp dẫn đường đi cùng

với T1 đến huyện K, tỉnh Ninh Bình để nhận gạo và vận chuyển gạo trước khi giao hàng cho Vũ Thái H1. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo là người trực tiếp thanh toán tiền cho Trịnh Đình T1 tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường tự nguyện nộp một phần tiền để bồi thường cho bị hại; bị cáo từng có thời gian phục vụ trong quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn C giữ vai trò thấp hơn Vũ Thái H1 và cao hơn Trịnh Đình T1 đồng thời đã căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân của bị cáo áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo với mức án 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, không nặng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng như người bào chữa đưa ra các lý do xin giảm nhẹ hình phạt như hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn vợ, con còn nhỏ nhưng các lý do này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ. Ngoài các lý do trên người bào chữa cho bị cáo đã đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đã bồi thường một phần thiệt hại tuy nhiên căn cứ vào tính chất, mức độ, vai trò của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là rất nghiêm trọng, bị cáo đã chủ động cùng các bị cáo khác bàn bạc thống nhất thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt nhằm trốn tránh pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 76/2020/HS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với bị cáo.

[4] Về án: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/4/2020.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06/4/2021./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (1 bản);
 - TAND huyện K (4 bản);
 - VKSND huyện K (1 bản);
 - CA huyện K (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện K (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Trại tạm giam (1 bản)
 - Bị cáo (1 bản); Người bào chữa (1 bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản); Lưu tòa và Tổ HCTP (2 bản).
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Văn Thịnh

